

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TD
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2022/HS-ST
Ngày 19 -5- 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TD, TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Hanh

Bà Kiều Thị Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Kim Thị Ánh Vân- Thư ký Tòa án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Đào Xuân Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 26/2022/TLST-HS ngày 15 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2022/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 5 năm 2022, đối với bị cáo:

Lò Văn T, sinh ngày 26/3/2001; nơi cư trú: Bản C, xã L, huyện M, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lò Văn D và bà Lò Thị H (đã chết); Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Bản án số 06/2019/HS-ST ngày 29/01/2019 Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xử phạt Lò Văn T 18 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”; Ngày 02/02/2020 T chấp hành xong án phạt tù trở về địa phương.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/01/2022 đến nay (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Phan Thị Kim Liên - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

- Người chứng kiến: Ông Lê Xuân Đ, sinh năm 1954 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn K, xã T, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 05/01/2022, Lò Văn T đang ở công trường xây dựng thuộc tổ dân phố G, phường Q, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc thì có 01 nam thanh niên tên là K đến rủ T sử dụng ma túy đá, T đồng ý. Sau đó, K gọi xe ôm đến chở T và K đến khu vực đồi Tăng thuộc thôn K, xã T, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc để sử dụng ma túy đá. Khi đến nơi, K lấy ra 01 túi nilon chứa ma túy đá rồi bảo T cầm để cùng nhau lên đồi sử dụng, T cầm túi ma túy ở tay trái. Khi T và K đang đi bộ lên đồi được khoảng 30m thì bị Công an xã T kiểm tra, phát hiện bắt quả tang T có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, vật chứng thu giữ gồm: 01 gói nhỏ nilon màu trắng viền khóa bấm màu xanh, bên trong chứa các hạt tinh thể dạng đá màu trắng (T khai là ma túy đá), được niêm phong trong phong bì thư ký hiệu A1. Lợi dụng sơ hở nên K đã bỏ chạy thoát.

Ngày 05/01/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện TD ra Quyết định số 31 trưng cầu phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc giám định chất ma túy đối với mẫu ký hiệu A1.

Tại Kết luận giám định số 124/KLGD ngày 09/01/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: Tinh thể dạng đá màu trắng của mẫu ký hiệu A1 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,1834 gam (không phẩy một tám ba bốn gam, không kể bao bì) loại Methamphetamine. Hoàn trả trực tiếp đối tượng giám định còn lại sau giám định cho cơ quan trưng cầu gồm A1 = 0,1367 gam mẫu cùng bao gói được niêm phong.

Đối với người đàn ông tên là K, là người đưa ma túy cho Lò Văn T vào ngày 05/01/2022, quá trình điều tra Lò Văn T khai mới quen biết K, nhưng không biết địa chỉ cụ thể. Ngày 05/01/2022 sau khi K đưa ma túy cho T và bị Công an xã T kiểm tra thì K đã bỏ chạy nên cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện TD không có căn cứ để xác minh làm rõ.

Tại Cáo trạng số: 33/CT-VKSTD ngày 14/4/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện TD truy tố bị cáo Lò Văn T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TD đề nghị giữ nguyên cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lò Văn T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt Lò Văn T từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập, tài sản nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Về vật chứng: Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến hoàn cảnh của bị cáo là người dân tộc thiểu số cư trú ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bố bị cáo đang chấp hành án, mẹ bị cáo mất sớm, quá trình giải quyết vụ

án bị cáo đã thành khẩn khai báo nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và miễn hình phạt bổ sung, miễn án phí Hình sự cho bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện TD, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện TD, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự tố tụng của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người bào chữa không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lò Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung của bản Cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ khẳng định: Khoảng 21 giờ 00 phút ngày 05/01/2022 tại khu vực đồi Tăng thuộc thôn K, xã T, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc, Lò Văn T có hành vi tàng trữ trái phép 0,1834gam ma túy loại Methamphetamine nhằm mục đích sử dụng cho bản thân, thì bị Công an xã T phát hiện bắt quả tang cùng tang vật.

[3] Hành vi tàng trữ trái phép 0,1834gam ma túy loại Methamphetamine của Lò Văn T đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

Điều 249 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

c) ...Methamphetamine ...có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;”

Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về ma túy gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an, an toàn xã hội. Bị cáo nhận thức được tàng trữ trái phép chất ma túy bị pháp luật nghiêm cấm nhưng bị cáo vẫn thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Do đó cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo để đảm bảo tính răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo là người có nhân thân xấu, năm 2019 bị Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xử phạt 18 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, hiện đã được xóa án tích do thuộc trường hợp bị kết án về tội phạm nghiêm trọng khi chưa đủ 18 tuổi; tuy nhiên bị cáo không lấy đó làm bài học để rèn luyện, tu dưỡng bản thân mà còn tiếp tục phạm tội. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Căn cứ vào tính chất, hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục là cần thiết.

[5] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự quy định: *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng..."*, bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập, tài sản, vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Đối với người đàn ông tên K, là người đưa ma túy cho Lò Văn T vào ngày 05/01/2022, quá trình điều tra Lò Văn T khai mới quen biết K, nhưng không biết địa chỉ cụ thể. Ngày 05/01/2022 sau khi K đưa ma túy cho T và bị Công an xã T kiểm tra thì K đã bỏ chạy nên cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện TD không có căn cứ xác minh làm rõ.

[7] Về xử lý vật chứng:

Mẫu vật hoàn trả sau giám định của phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc ký hiệu A1 = 0,1367 gam cùng toàn bộ bao gói cần tịch thu tiêu hủy.

01 Giấy chứng minh nhân dân số 040735770 mang tên Lò Văn T do Công an tỉnh Điện Biên cấp ngày 13/12/2016, là giấy tờ hợp pháp của T không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho Lò Văn T.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, tại phiên tòa bị cáo xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Lò Văn T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Lò Văn T 01 (Một) năm 08 (Tám) tháng tù, thời hạn chấp

hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ ngày 05/01/2022.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu, tiêu hủy mẫu vật hoàn trả còn lại sau giám định là A1= 0,1367 gam cùng toàn bộ bao gói.

Trả lại cho Lò Văn T 01 Giấy chứng minh nhân dân số 040735770 mang tên Lò Văn T do Công an tỉnh Điện Biên cấp ngày 13/12/2016.

(Vật chứng có đặc điểm như Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 18/4/2022 giữa Công an huyện TD và Chi cục Thi hành án dân sự huyện TD).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lò Văn T.

Bị cáo, người bào chữa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Tam Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Tam Dương;
- Công an huyện Tam Dương;
- Chi cục THADS huyện Tam Dương;
- Lưu HS, VP, THAHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Thu Hạnh